

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	8 - 33



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/6/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La ngày 12/5/2021 với mã số doanh nghiệp 5500271984.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTH-WEST ELECTRIC INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT-STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 12/5/2021 là: 405.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên Sàn UpCOM với mã NED.

Trụ sở chính của Công ty: Bản Pá Công, xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Văn Huyền	Chủ tịch
	Ông Trần Đức Hậu	Thành viên
	Ông Dương Văn Quyền	Thành viên
Ban Kiểm soát	Bà Bùi Thị Vân	Trưởng ban
	Bà Vũ Thị Trà	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 07/5/2021)
	Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 07/5/2021)
	Bà Đặng Thị Huyền	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Dương Văn Quyền	Tổng Giám đốc
	Ông Đào Kim Cương	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Phương Châu	Giám đốc Thiết bị (Miễn nhiệm ngày 20/5/2021)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Dương Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 12 tháng 8 năm 2021

Số: 241/2021/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc, được lập ngày 12/8/2021, từ trang 04 đến trang 33 bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 30/6/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/6/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN				
A - (100=110+130+140+150)	100		37.279.668.038	227.655.546.313
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	10.599.688.424	248.745.201
1. Tiền	111		10.599.688.424	248.745.201
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.704.072.637	222.429.985.238
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	8.394.215.712	122.370.251.146
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	125.408.000	311.105.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	16.184.448.925	99.748.629.092
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	1.736.162.264	4.815.797.951
1. Hàng tồn kho	141		1.736.162.264	4.815.797.951
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		239.744.713	161.017.923
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	239.744.713	161.017.923
TÀI SẢN DÀI HẠN				
B - (200=220+240+250+260)	200		737.150.803.614	646.052.554.183
II. Tài sản cố định	220		456.817.259.071	461.325.200.445
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	456.817.259.071	461.325.200.445
- Nguyên giá	222		606.647.558.631	604.288.078.631
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(149.830.299.560)	(142.962.878.186)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		360.000.000	360.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(360.000.000)	(360.000.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	28.860.909
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	28.860.909
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	265.004.896.193	170.501.379.522
1. Đầu tư vào công ty con	251		86.800.000.000	87.295.256.323
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		193.500.000.000	102.242.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.295.103.807)	(19.035.876.801)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		15.328.648.350	14.197.113.307
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	15.328.648.350	14.197.113.307
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		774.430.471.652	873.708.100.496
(270 = 100+200)				

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

	MS	TM	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		344.287.025.902	460.811.829.592
I. Nợ ngắn hạn	310		96.156.786.705	208.738.431.367
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	4.032.599.256	6.736.318.669
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	-	135.000.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	18.459.148.312	27.342.961.201
4. Phải trả người lao động	314		480.067.653	1.286.535.956
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	261.246.631	348.133.413
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	59.076.855.110	26.581.482.128
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	11.091.160.000	11.443.000.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.755.709.743	-
II. Nợ dài hạn	330		248.130.239.197	252.073.398.225
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	20.411.499.197	22.413.458.225
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	227.718.740.000	229.659.940.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		430.143.445.750	412.896.270.904
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	430.143.445.750	412.896.270.904
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		405.000.000.000	405.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		405.000.000.000	405.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.545.454.545	2.545.454.545
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.597.991.205	5.350.816.359
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		2.595.106.616	(66.256.175.066)
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		20.002.884.589	71.606.991.425
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		774.430.471.652	873.708.100.496

Sơn La, ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Thu Hằng

Nguyễn Thị Thu Hằng

Đương Văn Quyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	30.496.002.879	57.498.641.985
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		30.496.002.879	57.498.641.985
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	16.572.461.469	39.052.718.083
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		13.923.541.410	18.445.923.902
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	78.842.021.699	134.373.058.816
7. Chi phí tài chính	22	6.4	14.040.802.689	34.019.782.935
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.036.319.360	30.348.172.880
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	2.920.428.707	3.179.949.936
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		75.804.331.713	115.619.249.847
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.000	657.295.628
12. Chi phí khác	32	6.6	142.056.140	1.537.998.048
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(142.055.140)	(880.702.420)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		75.662.276.573	114.738.547.427
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	15.159.391.984	22.991.047.808
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		60.502.884.589	91.747.499.619

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hằng

Sơn La, ngày 12 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám đốc



Dương Văn Quyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		75.662.276.573	114.738.547.427
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		6.867.421.374	14.382.935.447
- Các khoản dự phòng	03		3.004.483.329	3.510.381.155
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(78.842.021.699)	(133.611.257.236)
- Chi phí lãi vay	06		11.036.319.360	30.348.172.880
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.728.478.937	29.368.779.673
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		197.725.912.601	(44.576.512.262)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.079.635.687	1.408.865.017
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(149.086.524.591)	(66.911.153.571)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.181.400.924)	8.767.550.404
- Tiền lãi vay đã trả	14		(11.043.206.142)	(30.885.076.110)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(23.351.554.044)	(888.785.504)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		33.871.341.524	(103.716.332.353)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.359.480.000)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(199.750.000.000)	(20.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		181.080.806.200	180.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.215.499	2.287.373
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.025.458.301)	160.302.287.373
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.900.000.000	27.372.006.363
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.193.040.000)	(60.170.417.363)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(201.900.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.494.940.000)	(32.798.411.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		10.350.943.223	23.787.544.020
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	248.745.201	133.873.905
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	10.599.688.424	23.921.417.925

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hằng

Nguyễn Thị Thu Hằng

Dương Văn Quyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/6/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La ngày 12/5/2021 với mã số doanh nghiệp 5500271984.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTH-WEST ELECTRIC INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT - STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 12/5/2021 là: 405.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn*).

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã NED.

Trụ sở chính của Công ty: Bản Pá Công, xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Số lượng người lao động của Công ty tại ngày 30/6/2021 là 39 (tại ngày 31/12/2020 là 41).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

- Đầu tư xây lắp công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao Thông, thủy lợi, các công trình điện;
- Và một số ngành nghề kinh doanh khác theo Đăng ký kinh doanh.

1.3 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2021, Công ty có các đơn vị phụ thuộc như sau:

Văn phòng đại diện - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc: Tầng 6, tòa nhà Golden Field, số 24 đường Nguyễn Cơ Thạch, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Công ty có các Công ty con, liên doanh liên kết như sau:

	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La	Bản Pá Công, xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	Kinh doanh điện năng	99,77%	99,77%	99,77%
Công ty Liên doanh, liên kết					
Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình	Lô B2.8, KCN Khánh Phú, Yên Khánh, Ninh Bình	Xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp	46,67%	46,67%	46,67%
Công ty Cổ phần Hoàng Long Mộc Châu	Nà Bó 2, Mường Sang, Mộc Châu, Sơn La	Xây dựng và kinh doanh khu du lịch sinh thái	47,83%	47,83%	47,83%
Công ty TNHH đầu tư Trường Đại Lộc	679 Quang Trung, Quảng Thịnh, Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp	40,15%	40,15%	40,15%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ .

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của các công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao	
	Số năm	
Hệ thống đập Nhà máy Thủy điện	47 - 48	
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30	
Tổ máy phát điện	47 - 48	
Máy móc thiết bị	03 - 10	
Phương tiện vận tải	06 - 08	
Thiết bị văn phòng	03 - 05	
Phần mềm quản lý và tài sản cố định khác	03	

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

TSCĐ vô hình là phần mềm tin học được khấu hao trong 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán riêng căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng. Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 02 đến 03 năm.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ .

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, Công ty liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, người mua trả tiền trước và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, Công ty liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí khác: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở hợp đồng, khối lượng công việc hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi Đại hội cổ đông quyết định và theo Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp điện được ghi nhận dựa trên “Biên bản xác nhận chỉ số công tơ và sản lượng điện năng” hàng tháng với Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu tài chính và thu nhập khác

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Ưu đãi thuế

Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án Đầu tư các nhà máy Thủy điện trên địa bàn tỉnh Sơn La có địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ do đó được hưởng các ưu đãi về mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 15 Luật đầu tư số 67/2014/QH13:

- Áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ kể từ năm 2009 (từ năm 2009 đến hết năm 2023)
- Miễn thuế 4 năm kể từ năm 2009 (từ năm 2009 đến hết năm 2012)
- Giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2013 đến hết năm 2021).

Năm 2021 là năm thứ năm thứ 13 Công ty được hưởng mức mức thuế TNDN là 10% và năm thứ 9 hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng khoản đầu tư không được hưởng ưu đãi trên.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt niên độ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh điện năng và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	1.803.620.023	131.778.920
Tiền gửi ngân hàng	8.796.068.401	116.966.281
Tổng	10.599.688.424	248.745.201

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn		
Swiss Carbon Assets Ltd	885.066.503	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	7.509.149.209	6.678.251.146
Vương Thanh Tùng (*)	-	115.692.000.000
Tổng	8.394.215.712	122.370.251.146

(*): Khoản phải thu của ông Vương Thanh Tùng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 12/11/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc và ông Vương Thanh Tùng về việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình. Số lượng cổ phần chuyển nhượng là 12.960.000 cổ phần, giá trị chuyển nhượng là 132.192.000.000 đồng, đã thanh toán hết trong tháng 02/2021.

5.3 Trả trước cho người bán

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	125.408.000	311.105.000
Công ty TNHH truyền thông TVC 360 Việt Nam	82.500.000	82.500.000
Công ty cổ phần công nghệ Bách Khoa	-	88.605.000
Công ty TNHH DTSAFE	-	44.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại Tây Bắc	25.000.000	25.000.000
Trả trước các đối tượng khác	17.908.000	71.000.000
Tổng	125.408.000	311.105.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	16.184.448.925	-	99.748.629.092	-
Tạm ứng	16.138.097.250	-	500.066.495	-
Ký cược, ký quỹ	12.000.000	-	12.000.000	-
Công ty Bảo hiểm BIDV Tây Bắc	-	-	235.152.597	-
Đặt cọc mua cổ phần của Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình (1)	-	-	27.000.000.000	-
Nguyễn Xuân Tuyển (2)	-	-	36.000.000.000	-
Vũ Thị Trà (2)	-	-	36.000.000.000	-
Phải thu khác	34.351.675	-	1.410.000	-
<i>Trong đó: phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>	-	-	9.000.000.000	-
Tổng	16.184.448.925	-	99.748.629.092	-

(1) Khoản đặt cọc thực hiện theo Nghị quyết số 2110/NQ-HĐQT ngày 21/10/2020 về việc thông qua Phương án đầu tư vào Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình. Theo đó giá trị đầu tư là 30 tỷ đồng, tỷ lệ đặt cọc 90%. Số dư đặt cọc mua cổ phần thực hiện theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng đặt cọc số 2610A/2020/HĐDC-NED ngày 26/10/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (bên đặt cọc) và ông Trần Văn Hương (bên nhận cọc) về việc đặt cọc mua 1.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình, giá trị chuyển nhượng là 10 tỷ đồng. Giá trị đặt cọc là 9 tỷ đồng. Đã thực hiện hợp đồng theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2503B/2021/HĐCN-NNH ngày 25/3/2021, giá trị thực hiện là 10 tỷ đồng.

- Hợp đồng đặt cọc số 2610B/2020/HĐDC-NED ngày 26/10/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (bên đặt cọc) và ông Nguyễn Ngọc Hà (bên nhận cọc) về việc đặt cọc mua 1.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình, giá trị chuyển nhượng là 10 tỷ đồng. Giá trị đặt cọc là 9 tỷ đồng. Đã thực hiện hợp đồng theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2503A/2021/HĐCN-NNH ngày 25/3/2021. Giá trị hợp đồng đã thực hiện là 4 tỷ đồng.

- Hợp đồng đặt cọc số 2310/2020/HĐDC-NED ngày 23/10/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (bên đặt cọc) và ông Trần Đức Hậu (bên nhận cọc) về việc đặt cọc mua 1.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình, giá trị chuyển nhượng là 10 tỷ đồng. Giá trị đặt cọc là 9 tỷ đồng. Đã nộp lại tiền đặt cọc theo Biên bản thanh lý Hợp đồng ngày 27/02/2021.

(2) Thực hiện theo Nghị quyết số 2512/NQ-HĐQT ngày 25/12/2020 của HĐQT Công ty về Phương án đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư KCN Việt - Nhật. Theo đó, giá trị đầu tư: 80 tỷ đồng. Giá trị đặt cọc tối đa 90% là 72 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.4 Phải thu ngắn hạn khác (Tiếp theo)

Công ty thực hiện ký 2 hợp đồng đặt cọc như sau:

- Hợp đồng đặt cọc số 2612B/2020/HDDC-NED-VN ngày 26/12/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (bên đặt cọc) và ông Nguyễn Xuân Tuyên (bên nhận cọc) về việc đặt cọc mua 7,14% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Khu công nghiệp Việt - Nhật, giá trị chuyển nhượng là 40 tỷ đồng. Giá trị đặt cọc là 36 tỷ đồng. Đã nộp lại tiền đặt cọc theo Biên bản thanh lý Hợp đồng ngày 10/03/2021.

- Hợp đồng đặt cọc số 2612A/2020/HDDC-NED-VN ngày 26/12/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (bên đặt cọc) và bà Vũ Thị Trà (bên nhận cọc) về việc đặt cọc mua 7,14% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Khu công nghiệp Việt Nhật, giá trị chuyển nhượng là 40 tỷ đồng. Giá trị đặt cọc là 36 tỷ đồng. Đã nộp lại tiền đặt cọc theo Biên bản thanh lý Hợp đồng ngày 10/03/2021.

5.5 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	117.514.473	-	13.209.500	-
Công cụ, dụng cụ	1.618.647.791	-	4.802.588.451	-
Tổng	1.736.162.264	-	4.815.797.951	-

5.6 Chi phí trả trước

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	239.744.713	161.017.923
Chi phí bảo hiểm công trình	239.744.713	161.017.923
Dài hạn	15.328.648.350	14.197.113.307
Phí tư vấn giá trị Cers (Dự án Nậm Công, Nậm Sỏi, Nậm Chiến)	1.176.103.637	1.233.474.545
Chi phí trùng tu sửa chữa lớn các nhà máy	13.314.035.316	11.667.719.254
Chi phí cấp Giấy phép sử dụng nước mặt	458.788.924	496.571.854
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	195.634.663	461.217.960
Chi phí dự toán, khảo sát nhà máy	184.085.810	338.129.694
Tổng	15.568.393.063	14.358.131.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2021	422.795.831.218	180.520.542.458	-	971.704.955	604.288.078.631
Tăng trong kỳ	-	5.450.925.075	2.359.480.000	-	7.810.405.075
Mua trong kỳ	-	-	2.359.480.000	-	2.359.480.000
Điều chuyển, phân loại lại	-	5.450.925.075	-	-	5.450.925.075
Giảm trong kỳ	5.450.925.075	-	-	-	5.450.925.075
Điều chuyển, phân loại lại	5.450.925.075	-	-	-	5.450.925.075
Số dư tại 30/6/2021	417.344.906.143	185.971.467.533	2.359.480.000	971.704.955	606.647.558.631
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2021	95.258.338.921	47.117.570.190	-	586.969.075	142.962.878.186
Tăng trong kỳ	4.520.255.532	2.161.126.992	98.311.668	143.687.226	6.923.381.418
Khấu hao trong kỳ	4.464.295.488	2.161.126.992	98.311.668	143.687.226	6.867.421.374
Điều chuyển, phân loại lại	55.960.044	-	-	-	55.960.044
Giảm trong kỳ	-	55.960.044	-	-	55.960.044
Điều chuyển, phân loại lại	-	55.960.044	-	-	55.960.044
Số dư tại 30/6/2021	99.778.594.453	49.222.737.138	98.311.668	730.656.301	149.830.299.560
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2021	327.537.492.297	133.402.972.268	-	384.735.880	461.325.200.445
Tại 30/6/2021	317.566.311.690	136.748.730.395	2.261.168.332	241.048.654	456.817.259.071

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2021 là 456.576.210.417 đồng (tại thời điểm ngày 31/12/2020 là 461.022.917.614 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 30/6/2021 là 7.974.299.327 đồng (tại thời điểm ngày 31/12/2020 là 7.974.299.327 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2021	360.000.000	360.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2021	360.000.000	360.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2021	360.000.000	360.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2021	360.000.000	360.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2021	-	-
Tại 30/6/2021	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 30/6/2021 là 360.000.000 đồng (tại thời điểm ngày 31/12/2020 là 360.000.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.9 Đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		30/6/2021			01/01/2021		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý		Giá gốc	Giá trị hợp lý	
				Dự phòng	Dự phòng		Dự phòng	
Đầu tư vào Công ty con			86.800.000.000		(15.295.103.807)	87.295.256.323		(19.035.876.801)
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác vật liệu xây dựng Tây Bắc (1)			-		-	6.745.256.323		(6.745.256.323)
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La (2)	99,77%	99,77%	86.800.000.000		(15.295.103.807)	80.550.000.000		(12.290.620.478)
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			193.500.000.000		-	102.242.000.000		-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển điện Nậm Chiến (3)	0,00%	0,00%	-		-	102.242.000.000		-
Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình (4)	46,67%	46,67%	14.000.000.000		-	-		-
Công ty Cổ phần Hoàng Long Mộc Châu (5)	47,83%	47,83%	99.000.000.000		-	-		-
Công ty TNHH đầu tư Trường Đại Lộc (6)	40,15%	40,15%	80.500.000.000		-	-		-
Tổng			280.300.000.000	(*)	(15.295.103.807)	189.537.256.323	(*)	(19.035.876.801)

(1): Giải thể Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác vật liệu Xây dựng Tây Bắc theo Nghị quyết số 16-1/NQ-HĐQT ngày 15/6/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc và Văn bản số 16/5/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La về việc giải thể Công ty.

(2): Thực hiện việc đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La theo Nghị quyết số 05-1/NQ-HĐQT ngày 13/2/2020 của HĐQT, số cổ phần đầu tư là 2.000.000 cổ phần, tương ứng giá trị 20 tỷ đồng; Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT ngày 23/6/2020 của Hội đồng Quản trị, số lượng cổ phần mua: 1.200.000 cổ phần, tương ứng giá trị 12 tỷ đồng. Số tiền đã thực góp trong năm 2020 là 25,75 tỷ đồng, số tiền thực góp trong 6 tháng đầu năm 2021 là 6,25 tỷ đồng.

(3): Công ty thoái vốn theo Hợp đồng chuyển nhượng số 1809/2020/HĐCN ngày 18/9/2020 và Hợp đồng số 2512/2020/HĐCN ngày 25/12/2020 về việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển điện Nậm Chiến cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc. Đến ngày 04/01/2021, các bên đã hoàn thành chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển điện Nậm Chiến. Giá trị chuyển nhượng là 181.080.806.200 đồng, lợi nhuận từ chuyển nhượng cổ phần ghi nhận trong kỳ là 78.838.806.200 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.9 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(4): Thực hiện nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình theo Nghị quyết số 02B/NQ-HĐQT ngày 26/02/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc. Giá trị đầu tư là 14 tỷ đồng, tương ứng 46,67% vốn điều lệ. Tổng số cổ phần nhận chuyển nhượng theo Hợp đồng số 2503B/2021/HĐCN/NED-TVH và Hợp đồng số 2503A/HĐCN/NED-NNH ngày 25/3/2021 là 1.400.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần), giá trị chuyển nhượng là 14 tỷ đồng.

(5): Thực hiện góp vốn bằng tiền thành lập Công ty Cổ phần Hoàng Long Mộc Châu theo Nghị quyết số 02A/NQ-HĐQT ngày 26/02/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc. Giá trị góp vốn là 99 tỷ đồng trong tổng vốn điều lệ là 207 tỷ đồng (tương ứng với 20,7 triệu cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần).

(6): Thực hiện nhận chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 05/3/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc. Giá trị chuyển nhượng theo Hợp đồng số 01/2021/HĐCNVG ngày 05/3/2021 là 80,5 tỷ đồng, tương ứng 40,15% vốn điều lệ (Vốn điều lệ là 200,5 tỷ đồng).

(*) Tại ngày lập Báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	4.032.599.256	4.032.599.256	6.736.318.669	6.736.318.669
Công ty Cổ phần SOMECO Sông Đà	-	-	527.453.240	527.453.240
Công ty TNHH CN nặng quảng phát Nam Ninh	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930
Công ty Cổ phần Nạo vét hồ thủy điện	600.450.000	600.450.000	600.450.000	600.450.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và thương mại Nam Hà	-	-	1.067.126.500	1.067.126.500
Phải trả người bán khác	1.060.575.326	1.060.575.326	2.169.714.999	2.169.714.999
Tổng	4.032.599.256	4.032.599.256	6.736.318.669	6.736.318.669

b. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần SOMECO Sông Đà	-	-	527.453.240	527.453.240
Công ty TNHH CN nặng quảng phát Nam Ninh	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930
Công ty Cổ phần Nạo vét hồ thủy điện	600.450.000	600.450.000	-	-
Công ty Cổ phần cơ khí và thương mại Nam Hà	-	-	1.067.126.500	1.067.126.500
Tổng	2.972.023.930	2.972.023.930	3.966.153.670	3.966.153.670

5.11 Người mua trả tiền trước

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	-	135.000.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc (*)	-	135.000.000.000
Tổng	-	135.000.000.000

(*) Số tiền thanh toán trước cho Hợp đồng chuyển nhượng số 1809/2020/HĐCN ngày 18/9/2020 về việc chuyển nhượng 6.638.400 cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển điện Nậm Chiến và Hợp đồng số 2512/2020/HĐCN ngày 25/12/2020 về việc chuyển nhượng 3.585.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển điện Nậm Chiến giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc và Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc. Hợp đồng chuyển nhượng số 1809/2020/HĐCN và Hợp đồng chuyển nhượng 2512/2020/HĐCN đã được thanh lý và các bên đã hoàn thiện thủ tục điều chỉnh sổ cổ đông, cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần tại ngày 04/01/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.12 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2021
Phải nộp	27.342.961.201	19.778.904.205	28.662.717.094	18.459.148.312
Thuế giá trị gia tăng	1.089.606.619	2.335.456.269	1.997.728.454	1.427.334.434
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	23.350.560.655	15.160.385.373	23.351.554.044	15.159.391.984
Thuế thu nhập cá nhân	624.717.576	20.314.809	394.277.693	250.754.692
Thuế tài nguyên	1.083.596.959	1.117.197.618	1.881.601.703	319.192.874
Thuế nhà đất, tiền thuê đất				-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	1.194.479.392	1.134.707.100	1.037.555.200	1.291.631.292
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	10.843.036	-	10.843.036

(*) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ bao gồm thuế TNDN kỳ hiện hành là 15.159.391.984 đồng và thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu năm 2020 là 993.389 đồng.

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Thuê kênh truyền Viettel	13.636.364	13.636.364
Lãi vay phải trả	247.610.267	254.497.049
Chi phí khác	-	80.000.000
Tổng	261.246.631	348.133.413

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	59.076.855.110	26.581.482.128
Kinh phí công đoàn	343.302.279	328.246.441
Phải trả công tác Đảng	77.004.904	77.004.904
Phải trả lãi vay cơ cấu ngân hàng (*)	15.260.386.498	15.260.386.498
Lãi chậm trả các đơn vị thi công - Công ty cổ phần SOMECO Sông Đà	-	8.076.597.856
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	950.363.637	740.363.637
Phải trả tiền cổ tức	42.281.460.500	1.983.360.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	164.337.292	115.522.292
Dài hạn	20.411.499.197	22.413.458.225
Phải trả lãi vay cơ cấu ngân hàng	20.411.499.197	22.413.458.225
Tổng	79.488.354.307	48.994.940.353

(*) Theo Biên bản thỏa thuận trả nợ giữa BIDV Sơn La với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc ngày 08/3/2021 về lịch trả nợ năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	11.091.160.000	11.091.160.000	5.877.200.000	6.229.040.000	11.443.000.000	11.443.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	11.091.160.000	11.091.160.000	5.877.200.000	6.229.040.000	11.443.000.000	11.443.000.000
(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công	7.591.000.000	7.591.000.000	2.306.000.000	2.738.000.000	8.023.000.000	8.023.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	6.746.000.000	6.746.000.000	1.771.000.000	1.478.000.000	6.453.000.000	6.453.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTĐ (1.1)	6.593.000.000	6.593.000.000	1.700.000.000	1.400.000.000	6.293.000.000	6.293.000.000
Hợp đồng số 02/2012/HĐTĐNC (1.2)	153.000.000	153.000.000	71.000.000	78.000.000	160.000.000	160.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	845.000.000	845.000.000	535.000.000	1.260.000.000	1.570.000.000	1.570.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTĐ (1.1)	332.000.000	332.000.000	300.000.000	1.000.000.000	1.032.000.000	1.032.000.000
Hợp đồng số 02/2012/HĐTĐNC (1.2)	513.000.000	513.000.000	235.000.000	260.000.000	538.000.000	538.000.000
(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi	3.120.000.000	3.120.000.000	3.096.000.000	3.396.000.000	3.420.000.000	3.420.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	1.940.000.000	1.940.000.000	2.506.000.000	1.470.000.000	904.000.000	904.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTĐ (2.1)	1.940.000.000	1.940.000.000	2.506.000.000	1.470.000.000	904.000.000	904.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	1.180.000.000	1.180.000.000	590.000.000	1.926.000.000	2.516.000.000	2.516.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTĐ (2.1)	1.060.000.000	1.060.000.000	530.000.000	1.866.000.000	2.396.000.000	2.396.000.000
Hợp đồng số 02/2012/HĐTĐNS (2.2)	120.000.000	120.000.000	60.000.000	60.000.000	120.000.000	120.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	30/6/2021		Phát sinh trong kỳ		Đơn vị tính: VND 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay dài hạn	227.718.740.000	227.718.740.000	4.625.880.000	6.567.080.000	229.659.940.000	229.659.940.000
(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công	102.024.540.000	102.024.540.000	700.000.000	2.306.000.000	103.630.540.000	103.630.540.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	65.533.515.000	65.533.515.000	-	1.771.000.000	67.304.515.000	67.304.515.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (1.1)	65.256.515.000	65.256.515.000	-	1.700.000.000	66.956.515.000	66.956.515.000
Hợp đồng số 02/2012/HĐTDNC (1.2)	277.000.000	277.000.000	-	71.000.000	348.000.000	348.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	36.491.025.000	36.491.025.000	700.000.000	535.000.000	36.326.025.000	36.326.025.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (1.1)	35.342.485.000	35.342.485.000	700.000.000	300.000.000	34.942.485.000	34.942.485.000
Hợp đồng số 02/2012/HĐTDNC (1.2)	1.148.540.000	1.148.540.000	-	235.000.000	1.383.540.000	1.383.540.000
(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi	124.269.400.000	124.269.400.000	2.311.000.000	4.071.000.000	126.029.400.000	126.029.400.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	66.088.000.000	66.088.000.000	2.311.000.000	470.000.000	64.247.000.000	64.247.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD (2.1)	66.088.000.000	66.088.000.000	2.311.000.000	470.000.000	64.247.000.000	64.247.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	58.181.400.000	58.181.400.000	-	3.601.000.000	61.782.400.000	61.782.400.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD (2.1)	54.423.400.000	54.423.400.000	-	3.541.000.000	57.964.400.000	57.964.400.000
Hợp đồng số 02/2012/HĐTDNS (2.2)	3.758.000.000	3.758.000.000	-	60.000.000	3.818.000.000	3.818.000.000
(3) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đông Đô	1.424.800.000	1.424.800.000	1.614.880.000	190.080.000	-	-
Hợp đồng số 220321-6366794-01-SME (3)	1.424.800.000	1.424.800.000	1.614.880.000	190.080.000	-	-
Tổng	238.809.900.000	238.809.900.000	10.503.080.000	12.796.120.000	241.102.940.000	241.102.940.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công

(1.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NC-HĐTĐ ngày 8/9/2009 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Ba Đình do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối, bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa: 183.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự Án Thủy điện Nậm Công;
- Thời hạn vay: 192 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần.

(1.2) Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐTĐNC ngày 29/6/2012 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Ba Đình do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối, bao gồm các điều khoản sau:

- Hạn mức vay tối đa: 15.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Công.
- Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết thời hạn vay theo Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTĐ (16/9/2025)
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Công là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Công và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 275.000.000.000 VND. Trong đó phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Động sản</u>	<u>Bất động sản</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam -	36.400.000.000	117.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam -	28.600.000.000	92.400.000.000
Tổng	65.000.000.000	210.000.000.000

(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi

(2.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NS-HĐTĐ ngày 08/9/2009 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Thanh Xuân do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối và Hợp đồng số 01/2013/NS-HĐTĐ ngày 29/3/2013 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTĐ là 167.000.000.000 VND; Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2013/NS-HĐTĐ là 10.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Sỏi;
- Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết thời hạn vay các hợp đồng 01/2009/NS-HĐTĐ và 01/2013/NS-HĐTĐ (15/03/2026);
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(2.2) Hợp đồng tín dụng số 02/2012/NS-HĐTĐ ngày 29/6/2012 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa: 6.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Dùng để cơ cấu lại tài chính (vay lãi nhập gốc)
- Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày 15/3/2026;
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Sỏi là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Sỏi và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 225.000.000.000 VND. Trong đó phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Động sản</u>	<u>Bất động sản</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam -	23.400.000.000	93.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam -	21.600.000.000	86.400.000.000
Tổng	45.000.000.000	180.000.000.000

(3) Hợp đồng cho vay số 220321-6366794-01-SME ngày 23/3/2021 tại Hà Nội giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đông Đô với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc số tiền cho vay là 1.900.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 60 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Mục đích sử dụng: Thanh toán một phần tiền mua 02 xe ô tô theo Hợp đồng mua bán số 0103-05/2021/HĐMB-TG ngày 01/03/2021. Lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất được thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của Khách hàng theo trong từng Khế ước nhận nợ. Biện pháp bảo đảm: Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 220321-6366794-01-SME/TC ngày 23/3/2021 là 2 xe ô tô nhãn hiệu Ford.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	405.000.000.000	2.545.454.545	(66.256.175.066)	341.289.279.479
Lãi trong năm	-	-	91.856.991.425	91.856.991.425
Tạm ứng cổ tức năm 2020 (*)	-	-	(20.250.000.000)	(20.250.000.000)
Số dư tại 31/12/2020	405.000.000.000	2.545.454.545	5.350.816.359	412.896.270.904
Số dư tại 01/01/2021	405.000.000.000	2.545.454.545	5.350.816.359	412.896.270.904
Lãi trong kỳ	-	-	60.502.884.589	60.502.884.589
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020 (*)	-	-	(2.755.709.743)	(2.755.709.743)
Tạm ứng chia trả cổ tức 2021 (**)	-	-	(40.500.000.000)	(40.500.000.000)
Số dư tại 30/6/2021	405.000.000.000	2.545.454.545	22.597.991.205	430.143.445.750

(*): Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/5/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc. Theo đó, phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi 1.837.139.829 đồng, quỹ phúc lợi là 918.569.914 đồng, chia cổ tức là 20.250.000.000 đồng.

Năm 2020, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/09/2020. Số tiền tạm ứng cổ tức là 20,25 tỷ đồng.

(**): Công ty tạm phân phối cổ tức năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021-số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/5/2021 và Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT ngày 18/6/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc với tỷ lệ là 10% Vốn điều lệ. Thời gian thực hiện: ngày 29/7/2021. Hội đồng Quản trị đã có Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT về việc gia hạn tạm ứng cổ tức, thời gian thanh toán đến 30/9/2021.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hoàng Long	140.722.790.000	211.938.790.000
Ông Trần Văn Huyền	101.000.000.000	80.000.000.000
Các cổ đông khác	163.277.210.000	113.061.210.000
Tổng	405.000.000.000	405.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	405.000.000.000	405.000.000.000
Vốn góp tại cuối năm	405.000.000.000	405.000.000.000
Cổ tức đã chia	40.500.000.000	-
Phân phối các quỹ	2.755.709.743	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	30/6/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.500.000	40.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Cổ tức

Công ty tạm phân phối cổ tức năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/5/2021 và Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT ngày 18/6/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc với tỷ lệ là 10% Vốn điều lệ. Thời gian thực hiện: ngày 29/7/2021. Hội đồng Quản trị đã có Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT về việc gia hạn tạm ứng cổ tức, thời gian thanh toán đến 30/9/2021. Đến ngày 30/6/2021, Công ty chưa thực hiện chi trả tiền tạm ứng cổ tức.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	27.376.860.709	57.498.641.985
Doanh thu chứng chỉ Cers	2.442.049.170	-
Doanh thu khác	677.093.000	-
Tổng	30.496.002.879	57.498.641.985

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn điện thương phẩm	14.327.542.766	39.052.718.083
Giá vốn chứng chỉ Res	1.567.825.703	-
Giá vốn khác	677.093.000	-
Tổng	16.572.461.469	39.052.718.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi	3.215.499	2.287.373
Lãi bán các khoản đầu tư	78.838.806.200	134.370.771.443
Tổng	78.842.021.699	134.373.058.816

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền vay	11.036.319.360	30.348.172.880
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	11.228.900
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	3.004.483.329	3.510.381.155
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	150.000.000
Tổng	14.040.802.689	34.019.782.935

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.920.428.707	3.179.949.936
Chi phí nhân viên quản lý	1.008.528.452	1.544.194.805
Chi phí vật liệu quản lý	-	10.789.454
Chi phí đồ dùng văn phòng	387.597.282	389.670.009
Chi phí khấu hao TSCĐ	498.758.796	171.094.442
Thuế phí và lệ phí	42.092.114	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	730.940.731	804.599.529
Chi phí bằng tiền khác	252.511.332	256.601.697
Tổng	2.920.428.707	3.179.949.936

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.6 Thu nhập khác, chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	1.000	657.295.628
Tổng	1.000	657.295.628
Chi phí khác		
Chậm nộp thuế, bảo hiểm	134.683.343	1.537.498.048
Chi phí khác	7.372.797	500.000
Tổng	142.056.140	1.537.998.048
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(142.055.140)	(880.702.420)

6.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
I. Lợi nhuận kế toán trước thuế	75.662.276.573	114.738.547.427
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	134.683.343	866.766.468
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	134.683.343	866.766.468
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
II. Thu nhập chịu thuế	75.796.959.916	115.605.313.895
Hoạt động chuyển nhượng cổ phần (thuế suất 20%)	78.838.806.200	114.738.547.427
Hoạt động thông thường (thuế suất 5%)	(3.041.846.284)	866.766.468
III. Thuế suất	20%	
Hoạt động chuyển nhượng cổ phần	20%	20%
Hoạt động kinh doanh thông thường	5%	5%
IV. Thuế TNDN phải nộp	15.159.391.984	22.991.047.808
Hoạt động chuyển nhượng cổ phần		22.947.709.485
Hoạt động kinh doanh thông thường		43.338.323
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	15.159.391.984	22.991.047.808

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.372.280.297	5.933.687.409
Chi phí nhân công	3.407.120.584	4.728.012.563
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.867.421.374	14.382.935.447
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.167.908.876	16.545.733.963
Chi phí khác bằng tiền	682.432.802	959.335.317
Tổng	19.497.163.933	42.549.704.699

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan

Các khoản phải thu	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu khác			-	9.000.000.000
Ông Trần Văn Hậu	Thành viên HĐQT	Đặt cọc mua cổ phần	-	9.000.000.000

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Ông Trần Văn Hậu	Thành viên HĐQT	Đặt cọc mua cổ phần	-	9.000.000.000

Giao dịch với các thành viên chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập	456.804.444	562.170.245

7.2 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giải thể Công ty con	-	-
Giảm trừ giá gốc khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác vật liệu xây dựng Tây Bắc	6.745.256.323	-
Giảm trừ khoản dự phòng đầu tư vào Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác vật liệu xây dựng Tây Bắc	(6.745.256.323)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hằng

Sơn La, ngày 12 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám đốc



Đương Văn Quyền

